

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIẤY VIỆT TRÌ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 33



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Giấy Việt Trì theo Quyết định số 1700/QĐ-BCN ngày 16/05/2007 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 23/09/2008.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ 04 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 01 ngày 22 tháng 3 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành 2600107284 và lần thứ 04 ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc thay đổi vốn điều lệ thành 116.051.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại : 02103.862.761
- Fax : 02103.862.754

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
- Kinh doanh và chế biến lâm sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
- Sản xuất hòm hộp, đóng gói sản phẩm;
- Kinh doanh vận tải;
- In và các dịch vụ liên quan đến in./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Cường	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Đặng Văn Sơn	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Trung Thành	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Đông	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hiện	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020
Ông Đặng Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Hiện - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Hiện

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0209/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

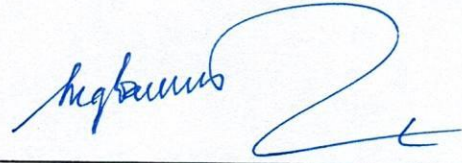
15-06
NHÂN
CÔNG TY
KẾ TOÁN
& C
HÀ NỘI
A - TR

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Lê Trọng Toàn – Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		554.893.945.059	510.716.700.640
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.940.958.149	69.443.844.462
1. Tiền	111		57.940.958.149	69.443.844.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		287.031.202.242	250.583.911.096
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	229.729.107.930	248.494.288.386
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	67.733.437.878	12.263.933.729
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.761.170.616	4.287.834.063
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(15.192.514.182)	(14.462.145.082)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		204.516.635.541	189.511.598.010
1. Hàng tồn kho	141	V.7	204.516.635.541	189.511.598.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.405.149.127	1.177.347.072
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.405.149.127	1.177.347.072
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189.306.870.679	99.562.922.876
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		717.218.972	804.676.187
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	717.218.972	804.676.187
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		86.736.337.375	98.017.876.700
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	78.478.321.242	89.773.099.050
<i>Nguyên giá</i>	222		748.263.603.710	748.947.024.513
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(669.785.282.468)	(659.173.925.463)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	8.258.016.133	8.244.777.650
<i>Nguyên giá</i>	225		11.727.952.727	9.203.472.727
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(3.469.936.594)	(958.695.077)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		78.000.000	78.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(78.000.000)	(78.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		96.404.450.696	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	96.404.450.696	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	4.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.448.863.636	740.369.989
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.448.863.636	740.369.989
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		744.200.815.738	610.279.623.516

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		435.084.336.524	443.979.515.814
I. Nợ ngắn hạn	310		398.409.126.649	432.538.077.814
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	81.902.718.813	91.589.827.173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	381.364.605	73.714.289
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	13.797.786.195	3.683.748.603
4. Phải trả người lao động	314		29.053.350.814	22.958.630.849
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.960.700.573	2.076.926.129
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	758.127.570	868.340.718
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	268.078.177.839	307.239.795.843
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.476.900.240	4.047.094.210
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		36.675.209.875	11.441.438.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	36.675.209.875	11.441.438.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

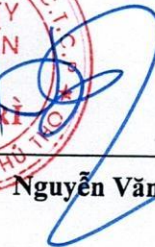
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.116.479.214	166.300.107.702
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	309.116.479.214	166.300.107.702
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		116.051.000.000	73.450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.051.000.000	73.450.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.658.745.672	20.888.745.672
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143.406.733.542	71.961.362.030
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	71.961.362.030
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		143.406.733.542	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		744.200.815.738	610.279.623.516

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Đức Hòa

Lê Thị Minh Loan

Nguyễn Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.362.585.349.281	1.218.703.664.731
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	606.911.103	1.026.835.528
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.361.978.438.178	1.217.676.829.203
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.108.133.116.589	1.045.749.286.479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		253.845.321.589	171.927.542.724
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.262.047.328	683.797.383
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	20.066.363.098	30.117.601.702
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.477.398.207	25.983.061.859
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	27.296.297.647	26.964.051.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	28.368.764.380	25.363.503.112
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		179.375.943.792	90.166.184.147
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.179.703.882	1.081.933.316
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.277.970.747	894.904.150
13. Lợi nhuận khác	40		(98.266.865)	187.029.166
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		179.277.676.927	90.353.213.313
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	35.870.943.385	18.391.851.283
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		143.406.733.542	71.961.362.030
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	12.357	6.150
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	12.357	6.150

Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Hiện

315-00
NHÂN
NG TY
HỆM HỮU
N VÀ T
& C
HÀ NỘI
4 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		179.277.676.927	90.353.213.313
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	24.774.780.749	58.308.408.898
- Các khoản dự phòng	03	V.6	730.369.100	299.014.955
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.8	(31.025.946)	2.950.712
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(318.656.905)	(231.825.712)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	19.477.398.207	25.983.061.859
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		223.910.542.132	174.714.824.025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(96.115.057.419)	(92.909.553.539)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.005.037.531)	(72.014.239.111)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.315.205.347)	(6.649.634.774)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(708.493.647)	9.331.639.378
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.477.398.207)	(25.983.061.859)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(25.921.851.283)	(20.394.977.271)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(2.160.556.000)	(1.084.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61.206.942.698	(34.989.003.151)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(52.208.906.369)	(21.747.943.425)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	13.636.364	9.239.836.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(4.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		97.767.123	195.464.766
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.097.502.882)	(12.312.642.296)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	1.203.896.966.575	1.095.350.303.487
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.217.476.892.704)	(984.153.228.038)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18b	(3.032.400.000)	(1.962.382.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	-	(23.504.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.612.326.129)	85.730.693.449
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(11.502.886.313)	38.429.048.002
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	69.443.844.462	31.015.633.504
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(837.044)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	57.940.958.149	69.443.844.462

Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại;
- Kinh doanh vật tư, hóa chất ngành giấy, kinh doanh vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 468 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 479 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy các loại và trong một khu vực địa lý là miền Bắc.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	38.709.844	167.786.752
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.902.248.305	69.276.057.710
Cộng	57.940.958.149	69.443.844.462

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, phát hành ngày 30 tháng 7 năm 2020, kỳ hạn 8 năm, lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Minh Thanh	5.076.240.601	1.798.029.263
Công ty TNHH Đức Trung	4.222.647.704	8.805.501.812
Công ty TNHH Hoa Việt	8.087.778.226	7.576.211.720
Công ty Cổ phần Giấy và Bao bì Phú An	5.420.432.363	8.132.748.249
Công ty TNHH Hòa Bình	11.422.701.209	11.422.701.209
Công ty TNHH Thương mại Mạnh Hùng	11.973.890.147	13.824.158.417
Công ty TNHH Tân Thành Đồng	6.364.375.511	17.995.833.867
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tổng hợp Hưng Thành	31.647.954.571	25.127.763.832
Các khách hàng khác	145.513.087.598	153.811.340.017
Cộng	229.729.107.930	248.494.288.386

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Shandong Chenzhong Machinery Co.,Ltd	13.129.342.957	-	-	-
Shichuan Chengfa Paper Machinery Co.,Ltd	12.015.151.400	-	-	-
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Tuấn Long	10.509.305.000	-	-	-
ChoYang Industry Co.,Ltd	10.082.832.321	-	11.521.985.389	-
Các nhà cung cấp khác	21.996.806.200	-	741.948.340	-
Cộng	67.733.437.878	-	12.263.933.729	-

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ (*)	3.311.186.751	-	3.222.000.000	-
Tạm ứng	344.081.398	-	238.609.563	-
Phải thu Bảo hiểm y tế	4.765.026	-	3.533.276	-
Phải thu lãi suất trái phiếu	118.066.667	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	731.229.990	-	616.418.500	-
Thuế giá trị gia tăng thuê tài sản	251.840.784	-	207.272.724	-
Cộng	4.761.170.616	-	4.287.834.063	-

(*) Bao gồm:

- Hợp đồng tiền gửi số 242/2019/28640 ngày 13/12/2019 do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương phát hành, số tiền gốc ban đầu là 1.722.000.000 VND, lãi nhập gốc năm 2020 là 89.186.751 VND, thời hạn 6 tháng, tự động gia hạn với kỳ hạn mới bằng kỳ hạn ban đầu, được sử dụng để làm biện pháp bảo đảm cho việc Ngân hàng phát hành bảo lãnh thanh toán hợp đồng mua bán điện cho mục đích sản xuất của Công ty.
- Hợp đồng cầm cố tài khoản số 14/CCTK/251 ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, số tiền 1.500.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại cùng Ngân hàng.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	335.000.000	-	270.000.000	-
Thuế giá trị gia tăng thuê tài sản	382.218.972	-	534.676.187	-
Cộng	717.218.972	-	804.676.187	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Hòa Bình	> 3 năm	11.422.701.209	(11.422.701.209)	> 3 năm	11.422.701.209	(11.422.701.209)
HTX Minh Khai	> 3 năm	1.884.579.239	(1.884.579.239)	> 3 năm	1.884.579.239	(1.884.579.239)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1 - 3 năm	3.395.789.650	(1.885.233.734)	> 3 năm	1.154.864.634	(1.154.864.634)
Cộng		16.703.070.098	(15.192.514.182)		14.462.145.082	(14.462.145.082)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.462.145.082	14.163.130.127
Trích lập dự phòng bổ sung	730.369.100	299.014.955
Số cuối năm	15.192.514.182	14.462.145.082

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	193.519.789.124	-	101.675.284.314	-
Công cụ, dụng cụ	39.283.583	-	27.460.370	-
Thành phẩm	10.585.755.875	-	85.818.674.899	-
Hàng gửi đi bán	371.806.959	-	1.990.178.427	-
Cộng	204.516.635.541	-	189.511.598.010	-

Toàn bộ số dư hàng tồn kho cuối năm được làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.112.500.000	740.369.989
Chi phí đánh giá tác động môi trường	245.454.545	-
Chi phí xây dựng cơ bản	90.909.091	-
Cộng	1.448.863.636	740.369.989

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, TP Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	95.672.702.110	636.173.754.544	16.770.602.306	329.965.553	748.947.024.513
Mua trong năm	2.112.321.851	2.836.154.545	862.272.727	-	5.810.749.123
Đầu tư XDCB hoàn thành	431.925.992	4.726.086.309	-	-	5.158.012.301
Thanh lý, nhượng bán	(2.037.043.609)	(9.615.138.618)	-	-	(11.652.182.227)
Số cuối năm	96.179.906.344	634.120.856.780	17.632.875.033	329.965.553	748.263.603.710
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	62.030.935.336	537.928.577.138	15.175.875.033	329.965.553	615.465.353.060
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	72.356.560.383	571.479.713.889	15.007.685.638	329.965.553	659.173.925.463
Khấu hao trong năm	3.770.473.081	17.986.432.311	506.633.840	-	22.263.539.232
Thanh lý, nhượng bán	(2.037.043.609)	(9.615.138.618)	-	-	(11.652.182.227)
Số cuối năm	74.089.989.855	579.851.007.582	15.514.319.478	329.965.553	669.785.282.468
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.316.141.727	64.694.040.655	1.762.916.668	-	89.773.099.050
Số cuối năm	22.089.916.489	54.269.849.198	2.118.555.555	-	78.478.321.242
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 55.612.914.089 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, TP Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.136.352.727	4.067.120.000	9.203.472.727
Thuê tài chính trong năm	-	2.524.480.000	2.524.480.000
Số cuối năm	5.136.352.727	6.591.600.000	11.727.952.727
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	535.036.743	423.658.334	958.695.077
Khấu hao trong năm	1.284.088.182	1.227.153.335	2.511.241.517
Số cuối năm	1.819.124.925	1.650.811.669	3.469.936.594
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.601.315.984	3.643.461.666	8.244.777.650
Số cuối năm	3.317.227.802	4.940.788.331	8.258.016.133

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính đã hết khấu hao.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	-	96.836.376.688	(431.925.992)	96.404.450.696
Hạng mục Bể Inox chứa nước & Bột dây chuyền	-	10.708.700.000	-	10.708.700.000
Hạng mục Nhà Bột dây chuyền	-	10.064.694.467	-	10.064.694.467
Hạng mục Nhà, móng máy xeo dây chuyền	-	16.396.209.900	-	16.396.209.900
Hệ thống dây chuyền bột mới 100 ngàn tấn	-	18.040.833.959	-	18.040.833.959
Hệ thống máy xeo	-	31.688.645.000	-	31.688.645.000
Các công trình khác	-	9.937.293.362	(431.925.992)	9.505.367.370
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.726.086.309	(4.726.086.309)	-
Cộng	-	101.562.462.997	(5.158.012.301)	96.404.450.696

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 196.879.353 VND (cùng kỳ năm trước là 0 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Thành Long	28.425.001.550	-
JOP Co., Ltd	-	19.026.089.457
Công ty TNHH Mai Anh	6.049.986.476	8.542.902.993
SAMPO Coporation	5.729.561.824	-
Công ty TNHH Phúc Hưng	5.277.605.737	-
Công ty Cổ phần Thương mại Kết nối Việt - Trung	4.600.000.000	11.337.079.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	31.820.563.226	52.683.755.723
Cộng	<u>81.902.718.813</u>	<u>91.589.827.173</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Bao bì JIAFENG Việt Nam	253.292.867	-
Các khách hàng khác	128.071.738	73.714.289
Cộng	<u>381.364.605</u>	<u>73.714.289</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	21.947.980.489	(21.947.980.489)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	32.443.037.248	(32.443.037.248)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.021.851.283	35.870.943.385	(25.921.851.283)	12.970.943.385
Thuế thu nhập cá nhân	639.850.500	1.013.766.990	(848.821.500)	804.795.990
Thuế nhà đất	22.046.820	84.612.060	(84.612.060)	22.046.820
Tiền thuê đất	-	2.820.345.280	(2.820.345.280)	-
Thuế nhà thầu	-	217.888.688	(217.888.688)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>3.683.748.603</u>	<u>94.401.574.140</u>	<u>(84.287.536.548)</u>	<u>13.797.786.195</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	179.277.676.927	90.353.213.313
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	77.040.000	1.606.043.100
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	179.354.716.927	91.959.256.413
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	35.870.943.385	18.391.851.283

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho khu đất đang sử dụng tại trụ sở hoạt động theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí điện, nước sản xuất phải trả	1.683.882.391	1.643.994.129
Tiền quà tết	-	336.000.000
Trích trước phí kiểm toán	276.818.182	95.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	1.932.000
Cộng	1.960.700.573	2.076.926.129

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	243.954.823	311.192.971
Quỹ tự nguyện	297.021.104	251.727.104
Phí đường bộ Container	212.520.000	207.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.631.643	98.420.643
Cộng	758.127.570	868.340.718

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	146.697.338.839	236.246.271.881
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱ⁾	50.205.715.021	91.407.611.599
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Việt Trì ⁽ⁱⁱ⁾	64.351.184.779	84.896.027.373
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	29.154.802.331	41.868.851.028
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ ^(iv)	2.985.636.708	18.073.781.881
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(v)	112.987.639.000	59.190.860.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	5.560.000.000	9.522.663.962
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	2.833.200.000	2.280.000.000
Cộng	<u>268.078.177.839</u>	<u>307.239.795.843</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại giấy. Tổng mức dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 120 tỷ đồng và số dư L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 150 tỷ đồng. Lãi suất vay là 6,80%/năm. Thời hạn vay đến hết 31/5/2021. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp nhà xưởng và máy móc thiết bị.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Việt Trì để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm giấy, 2 mức giá trị hạn mức tín dụng lần lượt là 90 tỷ và 180 tỷ đồng. Lãi suất cho vay theo văn bản nhận nợ từng thời kỳ, từ 6,20% - 7,00%/năm. Thời hạn vay đến hết ngày 30/06/2021. Tài sản đảm bảo khoản vay là Bất động sản đủ điều kiện theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ, tiền tiết kiệm, giấy tờ có giá; 9 xe ô tô, hệ thống máy xeo giấy; Hệ thống điều khiển Automax và tối thiểu 50% giá trị hàng tồn kho tại mọi thời điểm.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 70 tỷ đồng. Lãi suất vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ, từ 6,20% - 7,00%/năm. Thời hạn vay đến hết ngày 30/09/2021. Tài sản đảm bảo khoản vay là nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thiết bị.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng 14,44 tỷ đồng. Tài sản cầm cố là số dư tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng giá trị 1,5 tỷ đồng của Công ty tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh V.5).
- (v) Khoản vay tín chấp của các cá nhân là nhân viên trong Công ty, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ 01 tới 12 tháng. Lãi suất vay 6,8%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	236.246.271.881	1.058.892.104.700	-	(1.148.441.037.742)	146.697.338.839
Vay ngắn hạn các cá nhân	59.190.860.000	113.309.970.000	-	(59.513.191.000)	112.987.639.000
Vay dài hạn đến hạn trả	9.522.663.962	-	5.560.000.000	(9.522.663.962)	5.560.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2.280.000.000	-	2.833.200.000	(2.280.000.000)	2.833.200.000
Cộng	<u>307.239.795.843</u>	<u>1.172.202.074.700</u>	<u>8.393.200.000</u>	<u>(1.219.756.892.704)</u>	<u>268.078.177.839</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	31.694.891.875	5.560.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ	-	5.560.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương ⁽ⁱ⁾	31.694.891.875	-
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱⁱ⁾	4.980.318.000	5.881.438.000
Cộng	<u>36.675.209.875</u>	<u>11.441.438.000</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án "Đầu tư thay thế, nâng công suất dây chuyền sản xuất giấy bao bì". Tổng số tiền cho vay là 150 tỷ VND, thời hạn vay 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 20/11/2020, thời gian ân hạn 18 tháng. Lãi suất cho vay là 9,00%/năm. Tài sản thế chấp là hệ thống máy xeo giấy, dây chuyền sản xuất bột giấy, hệ thống tiếp cận và toàn bộ phụ trợ kèm theo.

(ii) Khoản thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, với giá trị tài sản cho thuê lần lượt là 10.123.820.000 VND và 2.684.480.000 VND (cả VAT). Lãi suất cho thuê tài chính áp dụng trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lần lượt là 9,00%/năm và 8,50%/năm. Thời hạn cho thuê 48 tháng kể từ thời điểm nhận nợ ngày 22 tháng 6 năm 2020.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	37.254.891.875	5.560.000.000	31.694.891.875	-
Nợ thuê tài chính	7.813.518.000	2.833.200.000	4.980.318.000	-
Cộng	<u>45.068.409.875</u>	<u>8.393.200.000</u>	<u>36.675.209.875</u>	<u>-</u>
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	15.082.663.962	9.522.663.962	5.560.000.000	-
Nợ thuê tài chính	8.161.438.000	2.280.000.000	5.881.438.000	-
Cộng	<u>23.244.101.962</u>	<u>11.802.663.962</u>	<u>11.441.438.000</u>	<u>-</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	5.560.000.000	31.694.891.875	-	(5.560.000.000)	31.694.891.875
Nợ thuê tài chính	5.881.438.000	2.208.680.000	(276.600.000)	(2.833.200.000)	4.980.318.000
Cộng	<u>11.441.438.000</u>	<u>33.903.571.875</u>	<u>(276.600.000)</u>	<u>(8.393.200.000)</u>	<u>36.675.209.875</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.497.094.210	-	(1.610.556.000)	1.886.538.210
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	550.000.000	590.362.030	(550.000.000)	590.362.030
Cộng	4.047.094.210	590.362.030	(2.160.556.000)	2.476.900.240

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	73.450.000.000	8.114.539.672	37.571.194.947	119.135.734.619
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	71.961.362.030	71.961.362.030
Trích lập các quỹ	-	12.774.206.000	(14.067.194.947)	(1.292.988.947)
Chia cổ tức	-	-	(23.504.000.000)	(23.504.000.000)
Số dư cuối năm trước	73.450.000.000	20.888.745.672	71.961.362.030	166.300.107.702
Số dư đầu năm nay	73.450.000.000	20.888.745.672	71.961.362.030	166.300.107.702
Trả cổ tức bằng cổ phiếu ^(*)	42.601.000.000	-	(42.601.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	143.406.733.542	143.401.209.328
Trích lập các quỹ	-	28.770.000.000	(29.360.362.030)	(590.362.030)
Số dư cuối năm nay	116.051.000.000	49.658.745.672	143.406.733.542	309.116.479.214

(*) Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:58 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 58 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 24 tháng 4 năm 2020. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 42.601.000.000 VND. Ngày 20 tháng 7 năm 2020 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 04 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 116.051.000.000 VND

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.605.100	7.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	11.605.100	7.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.605.100	7.345.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 24 tháng 4 năm 2020 như sau:

	VND
• Trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.601.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	28.770.000.000
• Thường ban quản lý điều hành	590.362.030

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 566,68 USD (số đầu năm là 885,30USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	20.638.716.318	12.125.839.186
Doanh thu bán thành phẩm	1.341.946.632.963	1.206.577.825.545
Cộng	1.362.585.349.281	1.218.703.664.731

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	543.339.203	1.026.186.168
Giảm giá hàng bán	63.571.900	649.360
Cộng	606.911.103	1.026.835.528

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.601.896.885	12.157.138.066
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.087.531.219.704	1.033.592.148.413
Cộng	1.108.133.116.589	1.045.749.286.479

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	95.393.420	99.464.766
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	186.953.874	96.000.000
Lãi trái phiếu	118.066.667	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	830.607.421	479.132.046
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31.025.946	-
Chiết khấu thanh toán	-	9.200.571
Cộng	1.262.047.328	683.797.383



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.477.398.207	25.983.061.859
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	588.964.891	4.131.589.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.950.712
Cộng	<u>20.066.363.098</u>	<u>30.117.601.702</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.071.129.800	2.455.742.475
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.643.337.975	3.461.147.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	723.563.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.267.531.828	15.831.381.127
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>18.222.077.283</i>	<i>15.831.381.127</i>
<i>Chi phí quảng cáo</i>	<i>45.454.545</i>	-
Các chi phí khác	1.314.298.044	4.492.217.005
Cộng	<u>27.296.297.647</u>	<u>26.964.051.146</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.528.018.525	11.939.714.946
Chi phí đồ dùng văn phòng	515.788.256	135.137.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	210.373.334	109.376.317
Thuế, phí và lệ phí	2.823.345.280	2.823.345.280
Chi phí dự phòng	730.369.100	299.014.955
Các chi phí khác	10.560.869.885	10.056.914.585
Cộng	<u>28.368.764.380</u>	<u>25.363.503.112</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.636.364	36.363.636
<i>Thu từ thanh lý</i>	<i>13.636.364</i>	<i>9.239.836.363</i>
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý</i>	-	<i>(9.203.472.727)</i>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	77.478.628	572.547.196
Tiền điện, nước kinh doanh	1.075.408.728	443.331.501
Thu nhập khác	13.180.162	29.690.983
Cộng	<u>1.179.703.882</u>	<u>1.081.933.316</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thiệt hại hàng tồn kho do hỏa hoạn	86.419.693	-
Thuế nhà thầu	217.888.688	-
Phạt do vi phạm hành chính	-	4.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	112.543.100
Tiền điện, nước kinh doanh	968.759.219	770.765.547
Chi phí khác	4.903.147	7.595.503
Cộng	<u>1.277.970.747</u>	<u>894.904.150</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	143.406.733.542	71.961.362.030
- Thưởng ban quản lí điều hành	-	(590.362.030)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	143.406.733.542	71.371.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.605.100	11.605.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>12.357</u>	<u>6.150</u>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.605.100	11.605.100
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>11.605.100</u>	<u>11.605.100</u>

10b. Thông tin khác

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ thưởng ban quản lí, điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 9.797 VND xuống còn 6.150 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	850.493.550.739	821.642.459.076
Chi phí nhân công	64.583.210.569	83.809.562.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.774.780.749	58.308.408.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.402.656.823	94.069.609.141
Chi phí khác	23.942.082.851	40.246.801.468
Cộng	<u>1.143.196.281.731</u>	<u>1.098.076.840.737</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4498
CHI
CÔ
NH
TOA
TÀI
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch	504.446.700	52.074.400	108.000.000	664.521.100
Ông Phạm Ngọc Cường	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	408.573.100	44.263.200	84.000.000	536.836.300
Ông Đặng Văn Sơn	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	438.812.700	44.263.200	84.000.000	567.075.900
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên /Kế toán trưởng	436.238.300	39.055.800	84.000.000	559.294.100
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	317.252.300	34.004.900	84.000.000	435.257.200
Ban Kiểm soát					
Ông Lê Trung Thành	Trưởng ban	310.275.100	31.244.600	84.000.000	425.519.700
Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên	270.889.600	31.389.100	60.000.000	362.278.700
Ông Nguyễn Quốc Đông	Thành viên	328.444.600	34.004.900	60.000.000	422.449.500
Cộng		3.014.932.400	310.300.100	648.000.000	3.973.232.500
Năm trước					
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	455.055.700	-	54.000.000	509.055.700
Ông Phạm Ngọc Cường	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	375.358.750	-	42.000.000	417.358.750
Ông Đặng Văn Sơn	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	396.613.150	-	42.000.000	438.613.150
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên /Kế toán trưởng	370.909.050	-	42.000.000	412.909.050
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	291.012.450	-	42.000.000	333.012.450
Ban Kiểm soát					
Ông Lê Trung Thành	Trưởng ban	276.177.750	-	42.000.000	318.177.750
Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên	244.115.050	-	30.000.000	274.115.050
Ông Cao Cường	Thành viên	-	-	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Quốc Đông	Thành viên	220.652.050	-	15.000.000	235.652.050
Cộng		2.629.893.950	-	324.000.000	2.953.893.950

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Công ty không có các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Loan

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Hiện

